TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2021
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phương Văn Tư.

2. Ông Hoàng Văn Xuân.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc ***"Ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nhâm Thị B**, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Đàm Đình L**, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nhâm Thị B trình bày: Chị và anh Đàm Đình L kết hôn vào ngày 11/11/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân do tự nguyện. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, chị phát hiện anh L nghiện chất ma túy, bỏ bê gia đình không quan tâm đến vợ con, sự việc đã được chị khuyên giải nhưng anh L vẫn không từ bỏ được ma túy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng . Hai vợ chồng đã ly thân được khoảng hai năm. Nay chị B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 (Một) con chung tên là Đàm Kiều T, sinh ngày 14/02/2016, hiện nay con chung đang sống với mẹ ở N, xã K, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh đã thông báo và tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021 anh Đàm Đình L trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị B, về con chung anh nhất trí để cho chị B nuôi đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành nhưng anh có đề nghị khi nào có điều kiện thì anh sẽ đón con chung về nuôi dưỡng, còn về thủ tục tố tụng thì anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nhâm Thị B kết hôn với anh Đàm Đình L, địa chỉ: Xóm Đ, xã T, Trùng Khánh, Cao Bằng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Trùng Khánh, Cao Bằng. Nay chị B khởi kiện xin ly hôn với anh L, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh L có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại biên bản lấy lời khai và anh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhâm Thị B và anh Đàm Đình L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 11/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, Trùng Khánh, Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân của chị B và anh L được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị B cho rằng trong thời gian chung sống thì chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh L nghiện chất ma túy, đã không sống chung với nhau khoảng hai năm nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh L. Tại Biên bản lấy lời khai anh Đàm Đình L trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị B, về giải quyết nuôi con chung sau khi ly hôn anh cũng đồng ý với ý kiến của chị B, không có ý kiến gì khác.

Do vậy, xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh L đã không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị B có đơn yêu cầu ly hôn với anh L là có cơ sở và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị B và anh L đều xác nhận, vợ chồng có một con chung tên là Đàm Kiều T, sinh ngày 14/02/2016. Sau khi ly hôn hai vợ chồng thỏa thuận sẽ để cho chị B trực tiếp nuôi con chung đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu nên đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng cùng xác nhận không có tài sản chung, không có vay nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81,82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhâm Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nhâm Thị B được ly hôn với anh Đàm Đình L.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đàm Kiều T, sinh ngày 14/02/2016 cho chị Nhâm Thị B là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đàm Đình L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng anh L không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị B. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết anh L, chị B có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh L đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nhâm Thị B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002392 ngày 25/3/20211 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã T, Trùng Khánh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lục Thanh Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phương Văn Tư **Hoàng Văn Xuân** **Lục Thanh Hải**